

SỞ Y TẾ ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM Y TẾ TỬA CHÙA
Số: /BG-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v đề nghị báo giá sinh phẩm chẩn
đoán invitro, hóa chất xét nghiệm, vật tư
y tế, thiết bị y tế giai đoạn 2025 - 2026 .

Tủa Chùa, ngày 03 tháng 11 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế Tủa Chùa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung ứng sinh phẩm chẩn đoán invitro, hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, thiết bị y tế giai đoạn 2025 - 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Tủa Chùa

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Phong, xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Bùi Đức Long

Chức vụ: Phó trưởng Khoa khoa Dược – TTB - VTYT

Số điện thoại: 0912.298.578

Email: khoaduoc1ttyttuachua@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp các hàng hoá gửi báo giá (Bản gốc) trực tiếp hoặc theo dịch vụ chuyển phát tại địa chỉ như sau:

+ Người nhận: Bùi Đức Long

+ Đơn vị tiếp nhận: Trung tâm Y tế Tủa Chùa.

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Phong, xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên. - Đề nghị các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu đính kèm (Mẫu báo giá).

- Ngoài ra trước khi gửi bản gốc báo giá đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá gửi file Scan và file Excel danh mục báo giá qua địa chỉ Email: khoaduoc1ttyttuachua@gmail.com

- Lưu ý: Nhà cung cấp chỉ cần đáp ứng cơ bản yêu cầu kỹ thuật tham khảo tại Phụ lục I, II, III, và có thể chào hàng hóa có tính năng kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn (kèm theo tài liệu chứng minh về việc này).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 04 tháng 11 năm 2025 đến trước 17h ngày 17 tháng 11 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90, kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế và hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro: tại phụ lục I, II, III, kèm theo văn bản này

2. Địa điểm cung cấp vật tư y tế và hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro: Khoa Dược - Trung tâm Y tế Tủa Chùa tại địa chỉ Tổ dân phố Tân Phong, xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 12 tháng

4. Dự kiến thực hiện đấu thầu: tháng 11, 12 năm 2025.

5. Các thông tin khác: Không

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải trên Website của TTYT, MSC
- Lưu: VT, Dược

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vì A Bảo

PHỤ LỤC I

(Kèm theo văn bản số: /BG-TTYT ngày 03 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm Y tế Tủa Chùa)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/Khối lượng
1	Áo cột sống	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và các nếp hợp kim nhôm thiết kế định hình và phân bổ phù hợp theo tư thế điều trị	Cái	10
2	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Vỏ cuộn bột là giấy chống ẩm. Thời gian đông kết 2 - 4 phút. Không bị nứt gãy sau khi bó. Hoặc tương đương	Cuộn	250
3	Băng bột bó 15cm x 2,7m	Vỏ cuộn bột là giấy chống ẩm. Thời gian đông kết 2 - 4 phút. Không bị nứt gãy sau khi bó. Hoặc tương đương	Cuộn	100
4	Băng bột bó 7,5cm x 2,7m	Vỏ cuộn bột là giấy chống ẩm, lõi cuộn bột làm bằng que nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian đông kết 2 - 4 phút, bột đảm bảo độ trắng, độ mịn, độ cứng, không gây kích ứng. Không bị nứt gãy sau khi bó. Hoặc tương đương	Cuộn	250
5	Băng cuộn 15cm x 5m	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Tốc độ hút nước =< 5 giây.	Cuộn	200
6	Băng cuộn 5cm x 5m	Từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Hoặc Tương đương hoặc tốt hơn	Cuộn	300
7	Băng dính y tế	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm ² . Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng. Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 5cm x 5m.	Cuộn	800
8	Băng keo lụa 5cm x 5m	Vải lụa Taffeta trắng làm bằng sợi cellulose acetate từ các nước G7. - Keo Zinc oxide và các thành phần: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP - Tiêu chuẩn CE - EU. Xuất xứ Asean. - Kích thước 5cm x 5m. Có ít nhất 02 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu.	Cuộn	800
9	Bộ rửa dạ dày hệ thống kín	Công dụng: hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày. Làm từ mủ cao su tự nhiên.	Bộ	10
10	Bơm cho ăn 50ml	- Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu	Cái	200

		chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Ưu tiên sản phẩm sản xuất trong nước nếu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng tương đương		
11	Bơm tiêm 50ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Xy lanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đốc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; Gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bít piston. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ để tiện sử dụng cho trẻ em	Cái	200
12	Bơm tiêm insulin 1ml	Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 30Gx6mm, 31Gx6mm, 32Gx6mm - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Ưu tiên sản phẩm sản xuất trong nước nếu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng tương đương	Cái	300
13	Bơm tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G.	Cái	40.000
14	Bơm tiêm nhựa 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Sản phẩm được tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Cái	2.000
15	Bơm tiêm nhựa 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G, 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng giúp đuổi khí dễ dàng và đẩy hết thuốc khi tiêm.	Cái	2.000
16	Bơm tiêm nhựa 50ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.	Cái	500
17	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G.	Cái	130.000
18	Bông gạc 6cm x 15cm vô trùng	Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa 2 lớp gạc không dệt hút nước. Đặc tính Bông hút nước: - Khả năng giữ nước $\geq 20\text{g}$ nước/gam bông. - Tốc độ hút nước: thời gian chìm không quá 10 giây.	Cái	2.000
19	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây.	Kg	180
20	Chỉ thép liền kim các số	Chỉ thép liền kim các số, chỉ dài 45cm, được làm từ thép không gỉ, chỉ không tiêu, vô trùng và dùng cho phẫu thuật	Sợi	100
21	Chỉ tiêu liền kim số 2/0	- Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, số 2/0, bằng Polyglactin, dài $\geq 75\text{cm}$, tiệt trùng.	Sợi	120

		- 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, phủ silicon.		
22	Chỉ tiêu liên kim số 3/0	- Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0, bằng polyglactin, dài ≥ 75 cm, tiết trùng. - 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon.	Sợi	300
23	Chỉ tiêu liên kim số 1/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, số 1, bằng Polyglactin 910, dài 90cm, tiết trùng, kim bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon.	Sợi	120
24	Cồn 70 độ	Thành phần: Ethanol , nước, Hàm lượng Ethanol $\geq 70\%$ Hàm lượng Methanol ≤ 0.02 Màu trong không có vẩn đục Công dụng: sát khuẩn khử trùng dụng cụ, trang thiết bị y tế, sát trùng ngoài da.	Chai	3.000
25	Cồn 90 độ	- Dung dịch lỏng, không màu, $\geq 90\%$, chai 500ml. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	300
26	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase	Cái	5.000
27	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase	Cái	2.000
28	Dây cáp điện tim	Cáp dùng cho máy điện tim 3 cần, 6 cần	Bộ	10
29	Dây cho ăn các số	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.	Cái	250
30	Dây hút nhót các số	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP. Độ dài ≥ 500 mm. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số.	Cái	500
31	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện 140cm. Dây chất liệu PVC không Latex.	Cái	1.200
32	Dây thở oxy các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. - Không chứa chất DEHP, được tiết trùng - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gấp.	Cái	1.100
33	Dây truyền dịch cho máy truyền dịch	Chiều dài dây ≥ 180 cm. Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động, Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm, Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock, Cửa chích thuốc an toàn. - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016, EC hoặc tương đương - Ưu tiên sản phẩm sản xuất trong nước nếu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng tương đương	Cái	1.000
34	Dây truyền dịch kim cánh bướm	- Bộ dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 22Gx3/4". - Dây PVC nguyên sinh, chiều dài dây $\geq 1,7$ m. - Thiết kế bầu nhỏ giọt, thể tích bầu 14ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu$ m. - Có đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiết trùng EN ISO 11135: 2014 - Ưu tiên sản phẩm sản xuất trong nước nếu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng tương đương	Bộ	20.000

35	Dây truyền dịch kim thường	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1500\text{mm}$. Dây truyền dịch kèm kim thường. Đầu nối Luer lock. Có bầu cao su tiếp thuốc.	Bộ	10.000
36	Dây truyền máu	Dây truyền được làm bằng nhựa dẻo, không độc. Có bầu nhỏ giọt trong suốt, kẹp dây, bộ lọc mắt lưới, vùng tiêm, đầu nối kiểu trượt. Loại 20 giọt/ml. Vô trùng	Bộ	10
37	Điện cực dán cho máy điện tim dùng 1 lần	Hình dạng giống giọt nước, Kích thước 35 mm, tổng bề mặt sản phẩm 1017 mm ² , vùng chất gen 401 mm ² , vùng dán 616 mm ² , vùng phân tử nhạy 78,5 mm ² , độ dày sản phẩm 0,8 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, FDA hoặc tương đương	Cái	2.100
38	Dung dịch đánh tan gỉ dụng cụ y tế	- Dung dịch đánh tan gỉ sắt, sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa sóng siêu âm. - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không ion $\leq 5\%$, phosphates $\geq 30\%$ - Độ nhớt: ≤ 50 Pas. - Chai 1 lít.	Chai	20
39	Dung dịch khử khuẩn	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8, can 3,78lit, có que thử - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Tric khuẩn lao (Mycobacterium bovis), theo các tiêu chuẩn: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14563, EN 14476. - Thời gian ngâm khử khuẩn 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS hoặc tương đương. Can ≤ 3.78 lít	Can	10
40	Dung dịch ngâm tẩy rửa	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1 phút ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8, không gây ăn mòn dụng cụ. -Thành phần: protease subtilisin 0,5%, chất hoạt động bề mặt lưỡng tính an amphoteric surfactant, chất ổn định chống ăn mòn stabilizers và các thành phần khác. - Chai $\geq 1000\text{ml}$ - Đạt các tiêu chuẩn : Đạt tiêu chuẩn EC, ISO, CFS hoặc tương đương	Chai	10
41	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt, không khí	Dung dịch phun sương khử khuẩn bề mặt trong y tế Hydro Peroxide 4% (w/w), Nano Silver 0.004% (w/w) và các chất phụ gia vừa đủ 100%.	Lít	30
42	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	- Thành phần: Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%. - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn tại viện sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng trung ương: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây và 03 phút tiếp xúc.	Chai	300

		- Đạt tiêu chuẩn EN 1500; ISO 13485 - Chai ≥ 1 lít.		
43	Dung dịch sát khuẩn vết thương	-Thành phần: 10% povidone iodine. Chai ≥ 500 ml	Chai	500
44	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn thường quy	Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các thành phần khác vừa đủ 100%.	Chai	100
45	Gạc cầu fi 30 x 1lớp vô trùng	Gạc hút nước 100% cotton. Đường kính 30mm x 1 lớp. Vô trùng	Miếng	8.000
46	Gạc hút	Khô $\geq 0,8$ m. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Trọng lượng 25-27 g/m2. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextri,. Đạt ISO 13485, CE, GMP hoặc tương đương	Mét	200
47	Gạc Meche phẫu thuật đóng túi	Kích thước: 3,5cm x 75cm x 6 lớp, vô trùng. Gói 03 miếng	Miếng	1.200
48	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp vô trùng	Gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ ẩm: <8%; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin	Miếng	30.000
49	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40cm x 6 lớp, cân quang vô trùng	Gạc hút 100% cotton, pH trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước: không quá 0,5%. Tốc độ hút nước không quá 10 giây. Kích thước miếng gạc: ≥ 30 cm x 40cm x 6 lớp.	Miếng	4.000
50	Găng tay dài sản khoa	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. Được tiệt trùng, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 7.0-7.5. Chiều dài: 450, chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89 ± 5 mm, 7.5: 95 ± 5 mm; cường lực khi đứt trước lão hoá min 12.5N, sau lão hoá min 9.5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%.	Đôi	800
51	Găng tay kiểm tra các cỡ	Găng kiểm tra dùng trong y tế các cỡ S, M. - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. - Độ dày tối thiểu 1 lớp $\geq 0,08$ mm; Chiều dài ≥ 240 mm.	Đôi	150.000
52	Găng tay tiệt trùng các số	Bề dày: $\geq 0,18$ mm, Chiều dài: ≥ 280 mm, các cỡ. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: $\geq 12,5$ N, Sau lão hóa: $\geq 9,5$ N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: $\geq 700\%$, Sau lão hóa: $\geq 550\%$. Lượng bột: ≥ 80 mg/đôi.	Đôi	15.000
53	Gel siêu âm	Gel siêu âm, can ≥ 5 lít. Gel trong, tan hoàn toàn trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường.	Can	30
54	Giấy điện tim	Giấy 3 cân tương thích với máy MC6330/16R2 hặc tương đương	Cuộn	50
55	Giấy in nhiệt	Chiều rộng $\geq 5,5$ cm	Cuộn	50
56	Giấy siêu âm	Kích thước 11cm x 20m, dùng cho máy siêu âm Sony.	Cuộn	50
57	Hộp an toàn	Carton 2 mặt phủ màng PE Độ dày thành hộp: 1,3-1.4mm Khối lượng hộp rỗng: 300g	Cái	500
58	Javen 12%	Có màu hơi vàng, có mùi đặc trưng, nồng độ 10- 12%	Lít	30
59	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao.	Cái	1.000
60	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng. Sản phẩm chứa trong bao bì giấy tiệt trùng dùng trong y tế. Nẹp mũi bằng nhựa giữ cố định khẩu trang; đóng gói 1 cái/túi;	Cái	10.000

61	Khí oxy trong bình	Bình >= 40 lít.	Bình	350
62	Khí oxy trong bình	Bình >= 10 lít.	Bình	40
63	Khóa 3 chạc không dây nối	Làm bằng nhựa nguyên sinh, chống đứt gãy, đầu khóa chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Dây nối chất liệu PCV.	Cái	200
64	Kim cánh bướm các cỡ	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30 cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp.	Cái	24.000
65	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Thân kim, đốc kim làm bằng thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt.	Cái	15.000
66	Kim chọc dò tủy sống các cỡ	Đầu kim 3 mặt vát dài, sắc bén. Kim: Cỡ 25G, 27G. Chuôi kim trong suốt, có thiết kế lăng kính pha lê phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra.	Cái	500
67	Kim lấy thuốc các số	Kim các số, Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Tiệt trùng	Cái	150.000
68	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP. Kim có cánh có cửa tiêm thuốc. Đầu bảo vệ an toàn chất liệu (PA,PC,PSF). Đầu bịt an toàn chứa 2 lưới uốn cong đối diện nhau, tự động bắt chéo che đầu nhọn kim sau khi rút kim. Có khả năng lưu kim được đến 96h. Tương thích với tiêm truyền áp lực cao tối đa lên đến 325psi. Được tiệt trùng bằng EO. Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Có tấm lọc xốp ở chuôi kim. Các cỡ: 14G x 1- $\frac{3}{4}$ " (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min) 16G x 1- $\frac{3}{4}$ " (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min) 18G x 1- $\frac{3}{4}$ " (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min) 20G x 1- $\frac{1}{4}$ " (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min) 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min) 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min) Ưu tiên sản phẩm có xuất xứ từ các nước G7. Đạt tiêu chuẩn MDSAP ISO 13485, EU (MDR) hoặc tương đương	Cái	4.000
69	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cửa dạng bút các số	- Chất liệu Catheter ETFE, có chứa chất cản quang, được tiệt trùng bằng công nghệ chùm điện tử (EB). - Các cỡ 20G x2", 22G x 1", 24G x3/4". - Tốc độ dòng chảy đối với các kích cỡ: cỡ 20G $\leq$ 55ml/phút; cỡ 22G $\leq$ 35ml/phút; cỡ 24G $\leq$ 15ml/phút. - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	16.000
70	Kim nha khoa	Cỡ kim: 27G- Chiều dài kim: 21mm, kim chịu bền tốt, chỉ số vát cạnh hữu dụng. Tiệt trùng. Vật liệu: Kim: Inox, Đốc kim: PP	Cái	1.000
71	Lam kính	Lam kính 25,4 x 76,2mm, độ dày: 1,0 – 1,2mm, Một mặt được mài mờ .	Hộp	5
72	Lưỡi dao phẫu thuật tiệt trùng	Dao sắc. Chất liệu Thép không gỉ, tiệt trùng, các số	Cái	2.000
73	Mask oxy người lớn có dây và kẹp mũi	Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ, dây chun, thanh nhôm... - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2000 mm. Tiệt trùng	Cái	50
74	Nẹp các loại	Nẹp dày 1.5mm; rộng 10.0mm; khoảng cách lỗ 12.0mm. Có 9 cỡ từ 4-> 12 lỗ; tương ứng với chiều	Cái	15

		dài từ 54->150mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ.		
75	Nẹp cổ cứng H1, H2	Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ,	Cái	10
76	Nẹp mắt xích	Nẹp dày 2.2mm; rộng 10mm; khoảng cách lỗ nẹp 10.5mm - Có 9 cỡ từ 4 đến 12 lỗ; dài từ 48-144mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ	Cái	10
77	Nhiệt kế đo thân nhiệt người	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C	Cái	120
78	Ống chống đông EDTA	Được làm bằng nhựa y tế PP mới 100%, Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông EDTA K2 dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút.	Cái	17000
79	Ống chống đông Heparin	Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút.	Cái	10000
80	Ống hút dịch phẫu thuật	Chất liệu nhựa PVC. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống >=2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị.	Cái	100
81	Ống hút thai các số	Chất liệu nhựa y tế. Các cỡ 5,6,7, vô khuẩn. Sử dụng 1 lần.	Cái	400
82	Ống mở khí quản các cỡ	Ống mở khí quản có bóng vật liệu PVC, có đường cản quang rõ ràng giúp xác định vị trí chèn. Các số	Cái	50
83	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, kích thước 1 x 7cm, hoặc tương đương	Ống	2.000
84	Ống nghiệm thủy tinh	Thủy tinh trong suốt, kích thước 1,5 x 18cm, hoặc tương đương	Ống	15.000
85	Ống nhựa parafin tiệt trùng	Dầu Parafin vô khuẩn. Thể tích ≥10ml.	Ống	200
86	Ống nội khí quản có cốp các số	Ống đặt nội khí quản có bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC, Bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn khi lưu lâu. Độ cong tương thích sinh học, có đường cản quang đậm dọc ống. Các số. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	100
87	Phim XQ 25x30cm	Phim khô laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, sử dụng công nghệ Eco Dry, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Hặc tương đương	Tờ	15.000
88	Sonde dẫn lưu màng phổi	Sonde dẫn lưu màng phổi chất liệu Silicone có các lỗ thoát dịch chống tắc nghẽn, áp lực -120 ± 5mmHg, dài 500mm. Các cỡ từ 9Fr, 12Fr, 15Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 21Fr, 22Fr, 24Fr, 27Fr, 28Fr, 30Fr, 32Fr, 33Fr, 34Fr, 36Fr, 40Fr	Cái	10
89	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Dây trơn, mềm dẻo và trong suốt.	Cái	100
90	Sonde Foley 2 nhánh các số	Sonde Foley 2 nhánh các số . Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không chứa DEHP. Vô trùng.	Cái	200
91	Sonde hậu môn	Ống thông hậu môn các số 22,24,26,28. Dây dài	Cái	100

		400mm làm từ nhựa PVC.		
92	Sonde Nelaton các số	Ống dài $\geq 40\text{cm}$, bằng cao su. Đầu hở với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa.	Cái	800
93	Tấm trải nilon vô trùng 1m x 1,3m	Được làm nguyên liệu màng nylon PEHD kích thước $\geq 100\text{cm} \times 130\text{cm}$.	Cái	300
94	Tay dao điện	Đầu 3 giác nối với dây dài 3m. Tay dao cấu tạo như cây viết với một đầu để lắp đầu dao mổ, trên thân tay dao có hai nút bấm tương ứng với hai chế độ cắt (CUT) và cầm máu đơn cực (COAG)	Cái	120
95	Than hoạt	Bột than hoạt tính. Túi $\geq 1\text{kg}$	kg	2
96	Túi máu đơn	Túi máu đơn dung tích lưu trữ 250ml. Kim lấy máu cỡ 16G, Đóng gói 2 lớp gồm có túi nhôm bao ngoài; 3-5 túi/túi nhôm; túi máu chưa sử dụng có thể lưu trữ đến 15 ngày sau khi bóc túi nhôm. Chiều dài dây lấy máu 950mm, có 13 mã số. Ống dây có đường kính ngoài 4.5 mm, đường kính trong 3.0 mm Túi chứa 35 ml dung dịch chống đông CPDA-1.	Túi	10
97	Túi nước tiểu	Sản xuất từ nhựa y tế PVC. Kích cỡ $\geq 2000\text{ml}$, phân vạch rõ ràng. Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào $\geq 90\text{cm}$. Sản phẩm tiệt trùng.	Cái	100
98	Viên khử khuẩn	Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, PH: 5.0 - 6.5 - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên, Hộp 100 viên. - Đạt các tiêu chuẩn: ISO13485, CFS, GMP hoặc tương đương	Viên	15.000
99	Vít cứng	đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9mm; bước ren 1.25.mm, mũ tô vít 2.5mm; - có 26 cỡ dài từ 10->60mm; Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ.	Cái	150
100	Vít cứng	đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm - Có 26 cỡ; chiều dài tăng 2mm từ 14mm đến 60mm; tăng 5mm từ 60mm đến 70mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ	Cái	150
101	Vít xoắn	đường kính ren 4.5mm; ren ngắn, đường kính mũ vít 8mm; - chiều dài từ 25-70mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	40
102	Vít xoắn	đường kính ren 4.0mm; ren ngắn 1/3, đường kính mũ vít 5.9mm - chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 20mm đến 30mm; tăng 5mm từ 30mm đến 60mm; - Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương ; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	10

103	Vòng đeo tay mẹ và bé	Vòng đeo tay bệnh nhân. Chất liệu PVC, các cỡ người lớn, trẻ em.	Cái	500
-----	-----------------------	--	-----	-----

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo văn bản số:

/BG-TTYT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Y tế Tủa Chùa)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/Khối lượng
1	Test thử đường huyết	- Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD). - Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL. - Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch. - Phạm vi HCT: 25 - 60%. - Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL). - Tương đương hoặc tốt hơn	Test	500
2	Test phát hiện kháng thể virus HIV	- Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy $\geq 100\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,75\%$. - Thời gian đọc kết quả: ≤ 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm ≥ 60 phút. - Không cần sử dụng thêm dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương - Thành phần chính: Anti- HIV-1 Antibody, Anti-HIV-2 Antibody, HIV-1 Group O (pGO9-CKS/XL-1), Antigen hiv-2 (PjC100), HIV-1 (pOM10/PV361) Antigen, HIV-1 (pTB319/XL-1) Antigen, HIV-2 (peptide) Antigen, HIV-1/2 Peptide- BSA - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485. Ưu tiên sản phẩm sản xuất tại nước thuộc nhóm G7.	Test	3.000
3	Test phát hiện kháng thể virus HIV	- Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người - Độ nhạy: 99.59%, Độ đặc hiệu: 99.87% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab. Tương đương hoặc tốt hơn	Test	1.000
4	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Phát hiện kháng thể kháng syphilis trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương của người. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%.	Test	1.000
5	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	- Độ nhạy: $\geq 98\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. - Xét nghiệm có thể phát hiện nồng độ ≤ 0.1 IU/ml. - Thời gian đọc kết quả: ≤ 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm ≥ 30 phút. - Không cần sử dụng thêm dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485. -Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg.Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 (233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 (17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 (6 ng/Test); Anti-HBs antibody B3 (6 ng/Test); Kháng thể trên thanh kiểm soát (17 ng/Test) - Đạt tiêu chuẩn WHO PQ, Ưu tiên sản phẩm sản xuất tại nước thuộc nhóm G7.	Test	3.000
6	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	- Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 97.67%	Test	500

		- Không bị ảnh hưởng bởi: máu toàn phần của phụ nữ mang thai - Nằm trong danh sách WHO PQ - Kit thử ổn định 13 tuần ở nhiệt độ $55\pm 1^{\circ}\text{C}$ - Thành phần chính: Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng IgG; Đệm liên hợp: Kháng nguyên HCV NS3/NS4/NS5/lõi tái tổ hợp - keo vàng - Có thể phát hiện kháng thể kháng HCV genotype5 - Đạt ISO 13485		
7	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Độ nhạy tương quan: $\geq 99.05\%$; - Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99.46\%$; - Độ chính xác tương quan: $\geq 99.33\%$. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Tương đương hoặc tốt hơn	Test	1.500
8	Test nhanh phát hiện kháng thể HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm - Độ nhạy $\geq 100\%$; Độ đặc hiệu $\geq 99.8\%$. Thành phần vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV ($0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}$). - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: $\leq 10 \mu\text{L}$; - máu toàn phần: $\leq 20 \mu\text{L}$	Test	3.000
9	Test nhanh phát hiện ma túy 4 chân	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 4 chất gây nghiện MOP/MDMA/MET/THC trong nước tiểu Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP: khoảng 300 ng/mL; MDMA: khoảng 500 ng/mL; MET: khoảng 1000 ng/mL; THC: khoảng 50 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và CE Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác $\geq 99.9\%$ hoặc tương đương; Ưu tiên sản phẩm sản xuất tại nước thuộc nhóm G7	Test	2.000
10	Test nhanh phát hiện ma túy 5 chân	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6-MAM)/AMP/THC trong nước tiểu Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP là 300 ng/mL; Codein là 300 ng/mL; Heroin (6-MAM) là 10 ng/mL; AMP là 1000ng/ml ; THC là 50 ng/ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE - Độ lặp lại $\geq 75\%$ chính xác ở mức $\pm 25\%$ cut-off ;100% chính xác ở mức âm tính và $\pm 50\%$ cut-off - Độ chính xác GC/MS: MOP $\geq 95\%$; AMP $\geq 98\%$; THC $\geq 98\%$; Heroin $\geq 98\%$; Codeine $\geq 95\%$ - Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức nồng độ cao, thấp, bình thường (1.005-1.045) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. - Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test. - Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid; Tetracycline - Ưu tiên sản phẩm sản xuất tại nước thuộc nhóm G7	Test	1.000
11	Test thử nước tiểu 11 thông số	Các thông số đo được: Glu (Glucose), Pro (Protein)m, pH, Bld (Blood – máu), Ket (Ketone), Nit (Nitrite), Bil (Bilirubin), Uro (Urobilinogen), SG (Specific Gravity),		5.000

		Leu(Leukocytes), AsA (Ascorbic Acid). Tương đương hoặc tốt hơn		
--	--	--	--	--

PHỤ LỤC 3*(Kèm theo văn bản số: /BG-TTYYT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Y tế Tòa Chùa)*

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/Khối lượng
I. Thành phần I máy xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Convergys x3				
1	Dung dịch pha loãng	* Thành phần hóa học: Natri Clorua: <1,5% Chất đệm: <1.0% Chất bảo quản: <0.5% Chất ổn định: <0.5% còn lại là nước không I-on	Thùng	35
2	Dung dịch phá vỡ hồng cầu 3 thành phần	* Thành phần hóa học: Chất hoạt động bề mặt: <3.5% Chất đệm: <1.0% Chất bảo quản: <0.5% Chất ổn định: <0.5% còn lại là nước không I-on	Chai	25
3	Dung dịch rửa máy	* Thành phần hóa học: Chất tẩy rửa: <1% Chất đệm: <1.0% Chất bảo quản: <0.5% Chất ổn định: <0.5% còn lại là nước không I-on	Chai	20
4	Dung dịch rửa máy đậm đặc	* Thành phần hóa học: Chất tẩy rửa: <1% Natri Hipoclorit : <1,2% Natri Hydroxit : <0,5% Chất ổn định: <0,5%	Lọ	03
5	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học	Được dùng để theo dõi độ chính xác và độ chính xác của máy phân tích huyết học loại trở kháng tự động và bán tự động. Lọ ≥3ml	Lọ	05
II. Thành phần II hóa chất cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động AU-480, BS-380, CS-t300.				
1	Acid Uric	* Thành phần hóa học: + R1: Phosphate (pH: ≥7.4): ≥4,7 g/L 2-4 Dichlorophenol Sulfonate: ≥ 0,97 g/L + R2 Peroxidase: < 600 U/L Uricase: < 50 U/L Ascorbate Oxidase: < 180 U/L 4-Aminoantipyrine: ≥ 0,2 g/L - Bước sóng phân tích: 520nm	Hộp	02
2	Amylase	* Thành phần hóa học: MES (pH ≤6.0): ≤19.5 g/L CNPG3: ≤1,5 g/L Sodium chloride: ≤20,4 g/L Calcium acetate: ≤0,95 g/L Potassium thiocyanate: ≤87,5 g/L Sodium azide: ≤0,95 g/L	Hộp	06
3	Bilirubin Total	* Thành phần hóa học: + R1: Phosphate Buffer: ≤50 mmol/L NaCl: ≤150 mmol/L	Hộp	02

		Chất tẩy rửa + R2: 2,4-Dichlorophenyl-diazonium salt: ≤ 5 mmol/L HCl: ≤ 130 mmol/L Chất tẩy rửa		
4	Dung dịch hiệu chuẩn cho máy sinh hóa (Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa)	Chất hiệu chuẩn hóa sinh * Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái vật lý: Chất rắn, đông khô - Hòa tan trong nước: hòa tan	Hộp	05
5	Creatinine	* Thành phần hóa học: + R1: Sodium Hydroxide: ≤ 11.6 g/L +R2: Picric acid: ≥ 4 g/L	Hộp	10
6	Cholesterol	* Thành phần hóa học: Phenol: $\geq 2,4$ g/L Cholesterol esterase: ≥ 800 U/L Cholesterol oxidase : ≥ 250 U/L Peroxidase: ≥ 500 U/L 4-minoantipyrine: $\geq 0,08$ g/L PIPES (pH ≥ 6.9): $\geq 27,3$ g/L	Hộp	02
7	Dung dịch kiểm tra (Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa) mức trung bình	Hóa chất kiểm chuẩn cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và chứa các thành phần vô cơ của người, động vật đã được tinh chế, kiểm tra âm tính với HBsAg, anti-HCV và anti HIV1+2.	Hộp	05
8	Dung dịch kiểm tra (Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa) mức cao	Hóa chất kiểm chuẩn cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: Gerpath là một vật liệu kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và nó chứa tinh khiết người, động vật và các thành phần vô cơ. Các thành phần hoặc là tại ranh giới bệnh lý hoặc ở mức độ bệnh lý.	Hộp	03
9	Dung dịch rửa máy	Thành phần: Sequestering agent content (alkalimetric): 8.5-10%. Density (d 20°C/4°C) 1.05 - 1.09. Free alkali (as NaOH) 1.5 - 2.5 % Phosphate (PO ₄) ≤ 0.002 %	Can	35
10	Glucose	* Thành phần hóa học: TRIS buffer (pH: $\geq 7,4$): $\geq 27,9$ g/L Phenol: ≥ 28 mg/L 4-Aminoantipyrine: $\geq 0,5$ mg/L Glucose Oxidase: ≥ 15 kU/L Peroxidase: ≥ 1 kU/L	Hộp	10
11	GOT	* Thành phần hóa học:	Hộp	12

		+ R1: TRIS (pH: $\leq 7,80$) : ≤ 9.7 g/L L-Aspartate : > 150 mmol/L MDH : > 500 U/L LDH : > 700 U/L + R2: α -ketoglutarate : $\geq 1,54$ g/L NADH : $\geq 0,12$ g/L		
12	GPT	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: $\geq 7,80$) : $\geq 12,1$ g/L L-Alanine : > 400 mmol/L LDH : > 1000 U/L + R2: α -ketoglutarate : $\geq 1,92$ g/L NADH : $\geq 0,12$ g/L	Hộp	12
13	Total Protein	* Thành phần hóa học: Potassium sodium tartrate : $\leq 4,2$ g/L Copper sulphate : $\leq 3,03$ g/L Potassium iodide : $\leq 0,83$ g/L Sodium iodide : ≤ 15 g/L	Hộp	02
14	Triglycerid	* Thành phần hóa học: Good's buffer (pH: ≥ 6.3) : ≥ 50 mmol/L p-Chlorophenol : $\geq 0,25$ g/L ATP : ≥ 0.05 g/L Peroxidase (POD) : > 400 U/L Glycerolkinase (GK) : > 400 U/L Lipoprotein lipase (LPL) : > 120000 U/L 4-Aminoantipyrine : $\geq 0,02$ g/L Glycerol-3-phosphate-oxidase : > 3000 U/L	Hộp	02
15	Urea UV	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: $\geq 7,80$) : ≥ 9.7 g/L 2-Oxoglutarate : $\geq 0,87$ g/L Urease : > 70000 U/L + R2: NADH : $\geq 0,21$ g/L GLDH : > 50000 U/L	Hộp	10
16	GGT	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: ≥ 8.60): ≥ 12.1 g/L Glycylglycine: ≥ 13.2 g/L + R2: L- γ -Glutamyl-3 carboxy-4 nitroanilide: ≥ 3 mmol/L	Hộp	04
17	Iron	* Thành phần hóa học: + R1: Acetate Buffer (pH: 4,5) : ≤ 1000 mmol/L Thiourea : ≤ 120 mmol/L + R2: Ascorbic acid: ≤ 240 mmol/L Ferane : ≤ 3 mmol/L Thiourea : ≤ 120 mmol/L	Hộp	04
III. Thành phần III test cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động (AFIAS)				
1	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng TSH	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Hormone kích thích tuyến giáp (TSH) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết	Test	72

		tương người. *Thành phần gồm Cartridge, Pipette tip (Túi zip), Túi zip đựng cartridge dự phòng, C-tip (theo yêu cầu), Hướng dẫn sử dụng và ID chip. Mỗi cartridge được đóng gói trong một túi nhôm có hai thành phần, một phần phát hiện và một phần cartridge. - Phần cartridge chứa một dải xét nghiệm, màng có kháng TSH người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgY của gà ở vạch kiểm soát. - Phần phát hiện (detector) có chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng TSH người, chất liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide trong nước muối đệm phosphat (PBS) làm chất bảo quản. - C - tip (Đầu tip mao dẫn) là một công cụ hữu ích ở khu xét nghiệm nhanh tại chỗ đòi hỏi một lượng nhỏ máu mao mạch từ đầu ngón tay, vị trí gót chân (ở trẻ sơ sinh) hoặc vành tai. *Dải làm việc: Mẫu huyết thanh/ huyết tương: 0.09-80.0 μIU/mL Mẫu máu toàn phần: 0.4-80.0 μIU/mL		
2	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng T4	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Thyroxine tổng số (T4 toàn phần) trong huyết thanh/huyết tương người *Thành phần gồm Cartridge, Pipette tip (túi zip), Túi zip đựng cartridge dự phòng, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. Mỗi túi nhôm kín có chứa hai cartridge. Mỗi cartridge được đóng gói trong một túi nhôm có ba thành phần bao gồm một phần cartridge, một phần phát hiện (detector) và một phần dung dịch pha loãng. - Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có liên hợp T4-BSA ở vạch xét nghiệm và streptavidin ở vạch kiểm soát. - Phần phát hiện có một hạt chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng T4 người, chất liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS). - Phần dung dịch pha loãng chứa ANS, tween 20, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS). *Dải làm việc: 10.23 - 300.0 nmol/L	Test	72
3	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng T3	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Triiodothyronine tổng (T3 toàn phần) trong huyết thanh/huyết tương người. *Thành phần gồm Cartridge, Pipette tip (túi zip), Túi zip đựng cartridge dự phòng, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. Mỗi túi nhôm kín có chứa hai cartridge. Mỗi cartridge được đóng gói trong một túi nhôm có ba thành phần bao gồm một phần cartridge, một phần phát hiện và một phần	Test	72

		dung dịch pha loãng. - Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có chất liên hợp T3-BSA ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát. - Phần phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T3 người, liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch đệm natri phosphat. - Phần dung dịch pha loãng chứa ANS, tween 20, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch natri hydroxit (NaOH). *Dải làm việc: 0.77-7.7 nmol/L		
4	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng HbA1c	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người. *Thành phần gồm Cartridge, C- Tip (10 µL) (túi zip), Túi zip cho cartridge, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. Mỗi túi nhôm kín có chứa hai cartridge. Mỗi cartridge được đóng gói trong một túi nhôm có ba thành phần bao gồm một phần cartridge, một đệm phát hiện và một phần đệm tán huyết. - Phần cartridge chứa một que xét nghiệm, màng có kháng HbA1c người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgG của thỏ được cố định ở vạch kiểm soát. - Phần đệm phát hiện chứa liên hợp huỳnh quang kháng HbA1c người, liên hợp huỳnh quang IgG kháng thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS). - Phần đệm tán huyết chứa tween 20 và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS). *Dải làm việc: - NGSP (%): 4-15 % - IFCC (mmol/mol): 20.2-140.4 mmol/mol - eAG (mg/dL): 68.1-383.8 mg/dL	Hộp	48
IV. Thành phần IV huyết thanh mẫu				
1	Huyết thanh mẫu RH1 (Anti D Rh)	Dung dịch có chứa nồng độ protein thấp và IgM đơn dòng của người và IgG kháng D. Thuốc thử này sẽ trực tiếp ngưng kết các tế bào Rh D dương tính, bao gồm phần lớn các biến thể (nhưng không phải DVI) và tỷ lệ D yếu (Du) cao.	Lọ	03
2	Anti A	Dòng tế bào Anti A BRMA-1 sẽ phát hiện kháng nguyên A. Anti A có màu xanh lam	Lọ	03
3	Anti B	Dòng tế bào Anti B LB-2 sẽ phát hiện kháng nguyên B. Anti có màu vàng.	Lọ	03

4	Anti AB	Dòng tế bào Anti AB ES-4 / ES-15 sẽ phát hiện kháng nguyên A, Ax hoặc B. Anti AB không có màu	Lọ	03
5	Huyết thanh Coombs	Thuốc thử xét nghiệm xác định Anti Human globulin (AHG) phát hiện các phân tử kháng thể không kết tụ cũng như các phân tử bổ sung gắn vào các tế bào đỏ sau các phản ứng kháng nguyên kháng thể.	Lọ	01

MẪU BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

ST T	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Mô tả hàng g hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model , hãng sản xuất ⁽³⁾	M ã HS ⁽⁴⁾	Nă m sản xuất ⁽⁵⁾	Xuấ t xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khố i lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thàn h tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước. Đơn vị báo giá ghi chú rõ cho từng thiết bị hay toàn bộ thiết bị

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế. Đơn vị báo giá ghi chú rõ cho từng thiết bị hay toàn bộ thiết bị

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.